

Số:

Tân An Hội, ngày tháng 05 năm 2019.

**BÁO CÁO TỔNG KẾT
CÔNG TÁC PHỔ CẬP GIÁO DỤC BẬC TRUNG HỌC
NĂM HỌC 2018 – 2019**

Căn cứ vào kế hoạch năm học 2018 – 2019, Trường THCS Tân An Hội thực hiện công tác phổ cập giáo dục trung học cơ sở với những thuận lợi, khó khăn và kết quả đã đạt trong năm học 2018-2019 như sau :

A. NHỮNG THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN:

1. Thuận lợi:

- Được sự chỉ đạo của Huyện Ủy – Phòng GDĐT, thường xuyên quan tâm sâu sát với công tác giáo dục đặc biệt là công tác phổ cập giáo dục THCS làm nền tảng vững chắc cho công tác phổ cập THPT.
- Được sự quan tâm chỉ đạo của Đảng Ủy và UBND Xã Tân An Hội xem đây là công tác trọng tâm, giáo dục là quốc sách hàng đầu.
- Ban chỉ đạo công tác phổ cập giáo dục được củng cố và hoạt động đều tay.
- Đội ngũ GVPT nhiệt tình, tích cực tham mưu cho BCĐ khi tham gia công tác.
- Trường có đội ngũ giáo viên giàu kinh nghiệm, yêu nghề, tâm huyết, có ý thức tự học, tự rèn luyện để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

2. Khó khăn:

- Trường trực thuộc địa bàn Xã Tân An Hội rất rộng, số người cần vận động ra lớp phổ cập THCS nằm rải rác trong địa bàn dân cư, như Ấp Cây Sộp rất khó khăn khi đi đến điểm học vào ban đêm.
- Đa số các em bỏ học có hoàn cảnh khó khăn, tâm lý ngán ngại học tập, mất căn bản trong học tập, phụ huynh thiếu chủ động phối hợp với nhà trường và chính quyền địa phương vận động kịp thời để các em trở lại lớp.

B. QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC :

I. Quá trình triển khai thực hiện :

- Căn cứ vào đề án PCGD năm học của UBND Xã Tân An Hội.
- Trường THCS Tân An Hội cố gắng tập trung giảng dạy, giảm thiểu tỉ lệ học sinh lưu ban và bỏ học, tạo sự hứng thú học tập cho học sinh bằng nhiều biện pháp tích cực.
- Phối hợp giữa ba môi trường gia đình, nhà trường và xã hội: Cố gắng giữ học sinh không rời khỏi ghế nhà trường đối với học sinh lưu ban 2 năm trong một cấp học, động viên gia đình vận động các em vừa mới bỏ học ra lớp.
- GVPT thường xuyên phối hợp với GVCN để duy trì sĩ số lớp.

II. Kết quả đạt được năm 2018 :

1. Số liệu học sinh bỏ học

a. Số liệu học sinh bỏ học học kỳ I : (tại trường THCS và HS đi học các trường khác Từ tháng 01/9/2018 đến 31/12/2018)

Tại trường	Các trường khác	Tổng cộng HS bỏ học
- Lớp 6:02 HS	- Lớp 6: HS	- Lớp 6:02 HS
- Lớp 7:01 HS	- Lớp 7: HS	- Lớp 7:01 HS
- Lớp 8:03 HS	- Lớp 8: HS	- Lớp 8:03 HS
- Lớp 9:02 HS	- Lớp 9: HS	- Lớp 9:02 HS

b. Số liệu học sinh bỏ học học kỳ II : (tại trường THCS và HS đi học các trường khác Từ tháng 01/01/2019 đến 31/05/2019)

Tại trường	Các trường khác	Tổng cộng HS bỏ học
- Lớp 6:01 HS	- Lớp 6: HS	- Lớp 6: 01 HS
- Lớp 7:03 HS	- Lớp 7: HS	- Lớp 7: 03 HS
- Lớp 8:03 HS	- Lớp 8: HS	- Lớp 8: 03 HS
- Lớp 9:01 HS	- Lớp 9: HS	- Lớp 9: 01 HS

2. Số liệu học sinh ra lớp :

a. Khóa 1: (Từ 01/7/2018 đến 31/12/2018)

* Trường THCS Tân An Hội :

- Tổng số giáo viên : Không
- Tổng số học viên ra lớp: Không có học viên.
- Tổng số lớp PC.THCS : Không có lớp.

* Toàn Xã Tân An Hội :

- Tổng số giáo viên : Không
- Tổng số học viên ra lớp: Không có học viên.
- Tổng số lớp PC.THCS : Không có lớp.

b. Khóa 2: (Từ 01/01/2019 đến 31/5/2019)

* Trường THCS Tân An Hội :

- Tổng số giáo viên : Không
- Tổng số học viên ra lớp: Không có học viên.
- Tổng số lớp PC.THCS : Không có lớp.

* Toàn Xã Tân An Hội :

- Tổng số giáo viên : Không
- Tổng số học viên ra lớp: Không có học viên.
- Tổng số lớp PC.THCS : Không có lớp.

3. Số liệu đạt chuẩn Quốc gia :

+ Trường THCS Tân An Hội :

a. Tiêu chuẩn 1:

- Tiêu chuẩn 1a:
 - Tổng số trẻ 6 tuổi (SN 2012): 241 em. Số trẻ miễn giảm: 00 em.
 - Số trẻ phải phổ cập giáo dục: 241 em.
 - Số trẻ vào lớp 1 năm học 2018 – 2019: 241 em.
 - Đạt tỉ lệ: 100 %
- Tiêu chuẩn 1b:
 - Dân số 11 – 14 tuổi (SN 2007 – 2004): 760 em. Số trẻ miễn giảm: 01 em.
 - Số trẻ phải phổ cập giáo dục : 759 em.
 - Số trẻ đã tốt nghiệp tiểu học : 752 em
 - Đạt tỉ lệ : 99,08 %
- Tiêu chuẩn 1c:
 - Số học sinh tốt nghiệp tiểu học năm học 2017 – 2018 : 221 em
 - Số trẻ này được huy động vào lớp 6 năm học 2018 – 2019 : 221 em
 - Đạt tỉ lệ : 100 %

b. Tiêu chuẩn 2:

- Tiêu chuẩn 2a:
 - Tổng số học sinh lớp 9 (2 hệ) năm học 2017 – 2018: 164 em
 - Đã tốt nghiệp THCS (2 hệ) năm học 2017 – 2018: 164 em
 - Đạt tỉ lệ: 100 %
- Tiêu chuẩn 2b:
 - Số trẻ 15 – 18 tuổi phải phổ cập giáo dục THCS: 669 em
 - Số trẻ 15 – 18 tuổi đã tốt nghiệp THCS (2 hệ): 634 em
 - Đạt tỉ lệ: 94,77 %

+ Toàn Xã Tân An Hội :

a. Tiêu chuẩn 1:

- Tiêu chuẩn 1a:
 - Tổng số trẻ 6 tuổi (SN 2012): 423 em. Số trẻ miễn giảm: 00 em.
 - Số trẻ phải phổ cập giáo dục: 423 em.
 - Số trẻ vào lớp 1 năm học 2018 – 2019: 423 em.
 - Đạt tỉ lệ: 100 %
- Tiêu chuẩn 1b:
 - Dân số 11 – 14 tuổi (SN 2007 – 2004): 1.409 em. Số trẻ miễn giảm: 11 em.
 - Số trẻ phải phổ cập giáo dục : 1398 em.
 - Số trẻ đã tốt nghiệp tiểu học : 1391 em
 - Đạt tỉ lệ : 99,50 %
- Tiêu chuẩn 1c:
 - Số học sinh tốt nghiệp tiểu học năm học 2017 – 2018 : 378 em
 - Số trẻ này được huy động vào lớp 6 năm học 2018 – 2019 : 378 em

- Đạt tỉ lệ : 100 %

b. Tiêu chuẩn 2:

- Tiêu chuẩn 2a:

- Tổng số học sinh lớp 9 (2 hệ) năm học 2017 – 2018: 316 em
- Đã tốt nghiệp THCS (2 hệ) năm học 2017 – 2018: 316 em
- Đạt tỉ lệ: 100 %

- Tiêu chuẩn 2b:

- Số trẻ 15 – 18 tuổi phải phổ cập giáo dục THCS: 1.287 em
- Số trẻ 15 – 18 tuổi đã tốt nghiệp THCS (2 hệ): 1.205 em
- Đạt tỉ lệ: 93,63 %

*** Về phổ cập giáo dục bậc trung học :**

Tiêu chuẩn 1 :

- Số học sinh đã tốt nghiệp THCS (2 hệ) năm học 2017 – 2018 : 316 em
- Số học sinh đã TN/THCS được huy động vào lớp 10 (THPT, THBT, TCCN, trung cấp nghề) năm học 2018 - 2019 : 308 em
- Đạt tỉ lệ : 97,47 %

Tiêu chuẩn 2 :

- Số học sinh đang học lớp 12 năm học 2017 – 2018 : 255 em
- Số học sinh đã tốt nghiệp THPT và (THBT, TCCN,TC nghề) năm học 2017 - 2018: 253 em
- Đạt tỉ lệ : 99,22 %

Tiêu chuẩn 3 :

- Số học sinh từ 18 – 21 tuổi phải phổ cập giáo dục bậc trung học : 1.001 em
- Số trẻ đã tốt nghiệp THPT và (THBT, TCCN,TC nghề) : 757 em
- Đạt tỉ lệ : 75,62 %

C. ĐÁNH GIÁ NGUYÊN NHÂN TỒN TẠI:

- GVPT và nhà trường đã tích cực tham mưu với Ban chỉ đạo đề ra các biện pháp hữu hiệu, kết hợp với các ban ngành đoàn thể đã tổ chức vận động các em ra lớp.
- Trong công tác vận động cần tích cực và kịp thời để đạt hiệu quả cao.
- Ban Giám Hiệu đã có kế hoạch để duy trì sĩ số học sinh trong nhà trường, nhưng tỉ lệ học sinh nghỉ bỏ học cao.

D. PHƯƠNG HƯỚNG HỌC NĂM HỌC 2019 – 2020:

*** Về phổ cập giáo dục trung học cơ sở:**

- Kết hợp với ban chỉ đạo cố gắng đề ra kế hoạch, đề án thực hiện tốt các chỉ tiêu pháp lệnh do Huyện giao.
- Nâng cao chất lượng đào tạo, kéo giảm tỉ lệ học sinh lưu ban, bỏ học, duy trì sĩ số học sinh trong lớp đạt tỉ lệ 100%.
- Phân đầu huy động trẻ tốt nghiệp tiểu học vào lớp 6 đạt 100%.
- Nâng tỉ lệ trẻ từ 15 – 18 tuổi có bằng tốt nghiệp THCS đạt từ 90 % trở lên.
- Duy trì kết quả Xã Tân An Hội đạt chuẩn quốc gia về công tác phổ cập THCS mức độ 2.
- Tiếp tục củng cố, duy trì các thành quả đã đạt được. Thực hiện tốt việc xét tốt nghiệp THCS hai hệ đạt hiệu quả 100 %, làm tiền đề vững chắc cho công tác PC THPT đạt chuẩn quốc gia

*** Về phổ cập giáo dục bậc trung học :**

Phân đầu huy động 100% học sinh tốt nghiệp phổ thông và Bổ Túc THCS vào lớp 10 phổ thông, phổ cập, bổ túc, trường trung cấp nghề và các em bỏ học nửa chừng tại các trường THPT

Nâng cao chất lượng đào tạo, phân đầu giảm tỉ lệ lưu ban bỏ học dưới 1 %

Phân đầu duy trì sĩ số học sinh đang học ở các lớp phổ thông và phổ cập, không có trẻ bỏ học

Xã đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục bậc trung học

Trên đây là báo cáo tổng kết năm học 2018 – 2019 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2019-2020 của Trường THCS Tân An Hội.

Lập bảng

Hiệu trưởng

Nguyễn Văn Liu

Thân Lê Hồng Nhung

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG MẦM NON Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

Tân Phú Trung, ngày tháng 01 năm 2014.

**BÁO CÁO SƠ KẾT HỌC KỲ I
CÔNG TÁC PHỔ CẬP GIÁO DỤC MẦM NON CHO TRẺ 5 TUỔI
(SINH NĂM 2009 VÀ NĂM 2010) NĂM HỌC 2015 – 2016.**

Căn cứ vào kế hoạch năm học 2015 – 2016, Trường mầm non thực hiện công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi với những thuận lợi, khó khăn và kết quả đã đạt trong học kỳ I như sau :

I. NHỮNG THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN:

1. Thuận lợi: ghi những thuận lợi trong công tác tham mưu chỉ đạo và thực hiện công tác phổ cập giáo dục trung học cơ sở của trường trung học cơ sở trên địa bàn xã, thị trấn.

2. Khó khăn: ghi những khó khăn trong công tác tham mưu chỉ đạo và thực hiện công tác phổ cập giáo dục trung học cơ sở của trường trường trung học cơ sở trên địa bàn xã, thị trấn

II. QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC NĂM 2013:

1. Quá trình triển khai thực hiện :

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Kết quả thực hiện PCGDMN cho trẻ 5 tuổi (sinh năm 2009) năm 2015

a. Đảm bảo về cơ sở vật chất:

- Có/..... lớp lá cho trẻ 5 tuổi có phòng học theo hướng kiên cố, đạt chuẩn theo quy định tại Điều lệ trường mầm non .

- Tổng số phòng học kiên cố cho lớp lá 5 tuổi : phòng học.

- Có/..... lớp có đủ bộ thiết bị dạy học tối thiểu cho các lớp mầm non 5 tuổi.

* **Đánh giá:**

b. Giáo viên:

- Có/..... giáo viên đạt trình độ chuẩn được đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ, Tỷ lệ đạt.....

- Có/..... giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp. Tỷ lệ đạt.....

* **Đánh giá :**

c. Trẻ em :

- Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi ra lớp :...../..... cháu đạt %

- Tỷ lệ trẻ 5 tuổi được học 2 buổi/ngày theo CT GDMN:...../..... cháu đạt.....

- Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN:...../..... cháu đạt.....%

- Tỷ lệ trẻ 5 tuổi đi học chuyên cần (bình quân):...../..... cháu đạt.....%

- Tỷ lệ trẻ 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân:...../.....cháu đạt.....%

- Tỷ lệ trẻ 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi:...../.....cháu đạt.....%

* **Kết luận :** Trường Mầm non đạt tiêu chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi (sinh năm 2009) năm 2015.

3. Đánh giá việc thực hiện PCGDMN cho trẻ 5 tuổi (sinh năm 2010) năm 2016.

a. Đảm bảo về cơ sở vật chất:

- Có/..... lớp lá cho trẻ 5 tuổi có phòng học theo hướng kiên cố, đạt chuẩn theo quy định tại Điều lệ trường mầm non .

- Tổng số phòng học kiên cố cho lớp lá 5 tuổi : phòng học.
- Có/..... lớp có đủ bộ thiết bị dạy học tối thiểu cho các lớp mầm non 5 tuổi.

* **Đánh giá:**

b. Giáo viên:

- Có/..... giáo viên đạt trình độ chuẩn được đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ, Tỷ lệ đạt.....
- Có/..... giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp. Tỷ lệ đạt.....

* **Đánh giá :**

c. Trẻ em :

- Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi ra lớp :...../..... cháu đạt %
- Tỷ lệ trẻ 5 tuổi được học 2 buổi/ngày theo CT GDMN:...../..... cháu đạt.....
- Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN:...../..... cháu đạt.....%
- Tỷ lệ trẻ 5 tuổi đi học chuyên cần (bình quân):...../..... cháu đạt.....%
- Tỷ lệ trẻ 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân:...../.....cháu đạt.....%
- Tỷ lệ trẻ 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi:...../.....cháu đạt.....%

* **Kết luận : Trường Mầm non đạt tiêu chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi (sinh năm 2010) năm 2016.**

III. ĐÁNH GIÁ NGUYÊN NHÂN TỒN TẠI:

.....

.....

.....

.....

.....

IV. PHƯƠNG HƯỚNG HỌC KỲ II NĂM HỌC 2015 – 2016:

1. Nhiệm vụ học kỳ II năm học 2015 – 2016 như sau :

- Việc thực hiện chỉ tiêu huy động trẻ 5 tuổi (sinh năm 2009) ra lớp.
- Kế hoạch và biện pháp duy trì sĩ số học sinh trong lớp đạt tỷ lệ 100%.
- Hạn chế học sinh trẻ 5 tuổi bỏ học từng học kỳ.
- Phần đầu huy động trẻ 5 tuổi (sinh năm 2009) ra lớp và hoàn thành chương trình giáo dục mầm non mới đạt 99 % và số trẻ này đi học chuyên cần đạt 99% trở lên.
- Phần đầu trẻ 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân và trẻ thể thấp còi đạt dưới 1%.

2. Các chỉ tiêu cần hoàn thành công tác PCGDMN cho trẻ 5 tuổi (sinh năm 2010) năm 2016 :

- Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi (sinh năm 2010) ra lớp :...../..... cháu đạt tỉ lệ %
- Tỷ lệ trẻ 5 tuổi được học 2 buổi/ngày theo chương trình GDMN mới :...../..... cháu đạt tỉ lệ
- Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN:...../..... cháu đạt.....
- Tỷ lệ trẻ 5 tuổi đi học chuyên cần (bình quân):...../..... cháu đạt..... -
- Tỷ lệ trẻ 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân:...../.....cháu đạt.....
- Tỷ lệ trẻ 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi:...../.....cháu đạt.....

Trên đây là báo cáo sơ kết học kỳ I và phương hướng học kỳ II năm học 2015 – 2016 của Trường Mầm non,

Lập bảng

Hiệu trưởng

